

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-8-2021

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung khi ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lê

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Huyền

2. Ông Chu Văn Sín

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Tám - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021, quyết Đ hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị K - *Sinh năm 1990* - Nơi ĐKHKT: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Sầm Đức Tùng – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Triệu Văn Đ- *Sinh năm 1991* - Nơi ĐKHKT: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

- Người làm chứng: Bà Bàn Thị P, sinh năm 1958 – Nơi ĐKHKT: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15-12-2020, nộp trực tiếp ngày 19-3-2021 bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lý Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn Đ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2009, cùng về chung sống với bố mẹ chị tại Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn ngày 30/8/2013. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng năm 2011. Nguyên nhân là do anh Đ ghen tuông, thường xuyên mắng chửi chị, đập phá đồ đạc trong nhà. Anh Đ thường xuyên uống rượu, có biểu hiện nghiện rượu. Chị đã khuyên nhủ rất nhiều lần. Mỗi lần chị khuyên thì anh Đ lại bỏ nhà đi khoảng 15 đến 20 ngày không về. Đến năm 2018, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, anh Đ bỏ nhà đi một thời gian dài, không còn quan tâm gì đến gia đình, chỉ quay về cắt hộ khẩu và ở nhà được 03 tháng rồi lại đi. Từ đó đến nay, anh Đ không quay về nhà nữa. Vợ chồng chị cũng đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác Đ không còn tình cảm với anh Đ nữa, chị kiên quyết xin được ly hôn với anh Đ.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung tên Lý Quang H, sinh ngày 16/10/2010. Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay cháu đang sống với chị, do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi con, chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 16/6/2021, Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại biên bản lấy lời khai, phiên họp, phiên hòa giải anh Triệu Văn Đ có khai và xác nhận như sau: Anh xác nhận thời điểm chung sống, đăng ký kết hôn đúng như chị K trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017, 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do chị K ngoại tình với người khác, Anh đã khuyên nhủ nhưng chị K không nghe. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên anh đã cắt hộ khẩu về xã T và ly thân với chị K từ năm 2018 đến nay. Nay anh xác Đ không còn tình cảm với chị K nên anh đồng ý ly hôn với chị K.

Tuy nhiên, anh Đ yêu cầu chị K phải trả cho anh số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là công sức đóng góp của anh trong những năm anh về chung sống và làm việc với gia đình chị K. Nếu chị K không trả tiền thì anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng anh có con chung như chị K đã trình bày. Khi ly hôn, anh nhất trí theo nguyện vọng của chị K là để chị K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác Đ vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ; Về con chung: Yêu cầu được là người trực tiếp nuôi con chung. Đối với tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo các yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc nguyên đơn phải trả số tiền 50.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*** Về việc tuân theo pháp luật TTDS:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Đối với bị đơn cơ bản đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*** Về nội dung vụ án:** Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị K đối với anh Triệu Văn Đ về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị K được ly hôn với anh Triệu Văn Đ.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lý Quang H, sinh ngày 16/10/2010 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Đối với yêu cầu của anh Đ về việc đề nghị chị K phải thanh toán số tiền 50.000.000 đồng là không đủ căn cứ để xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Chị Lý Thị K được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị K khởi kiện anh Đ yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 28/7/2021 và ngày 25/8/2021 nhưng đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh Đ chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 30/8/2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Hai bên đều xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do anh Đ không tin tưởng chị K, cho rằng chị K ngoại tình. Chị K cho rằng anh Đ uống nhiều rượu, thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm đến công việc gia đình, vợ con. Điều này cho thấy vợ chồng không có sự tin tưởng, quan tâm, yêu thương nhau. Mâu thuẫn kéo dài, thường xuyên đến năm 2018 thì anh Đ bỏ đi khỏi nhà, cắt hộ khẩu khỏi gia đình chị K. Từ đó, vợ chồng ly thân không còn quan tâm, chăm sóc, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị K xin được ly hôn, anh Đ cũng đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh Đ không có mặt tại phiên tòa để thể hiện ý kiến của mình. Lời khai của các bên đương sự phù hợp với các nội dung Tòa án đã tiến hành xác minh trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, việc chị K yêu cầu được ly hôn với anh Đ là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về ý kiến của anh Đ yêu cầu chị K phải trả số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là công sức đóng góp của anh trong quá trình sinh sống làm việc cùng với gia đình chị K thì anh mới đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy, qua lời khai của hai bên đương sự, lời khai của bà Bàn Thị P (mẹ đẻ của chị K) và xác minh tại chính quyền thôn N thấy rằng chị K, anh Đ không có tài sản chung. Việc anh Đ đưa ra yêu cầu với số tiền trên như một điều kiện để nhất trí ly hôn chỉ nhằm mục đích gây khó khăn, cản trở việc chị K xin ly hôn với anh.

Quá trình chung sống, anh Đ, chị K cùng tham gia sản xuất nông nghiệp, thu nhập chỉ phụ thuộc vào việc canh tác ruộng đất của bố mẹ chị K, làm được bao nhiêu chỉ đủ duy trì cuộc sống. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án anh Đ không có đơn yêu cầu phản tố, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không đủ căn cứ để xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp anh Đ có yêu cầu có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Lý Quang H, sinh ngày 16/10/2010. Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay cháu H đang sống cùng với chị K. Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự đều có nguyện vọng để chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, việc chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị K là người thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 và các Điều 227, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị K đối với anh Triệu Văn Đ về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị K được ly hôn với anh Triệu Văn Đ.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lý Quang H, sinh ngày 16/10/2010 cho chị Lý Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị K được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ